CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Xây dựng 1369

Ngày 31/12/2025	12,600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-3.1%	**-3.8%**	**106.6**

DT thuần
Q4/25
308
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 136| 79.2%
YoY: ▼150| -32.7%

LN thuần
Q4/25
10.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.07| 11.9%
YoY: ▼1.80| -14.4%

LN sau thuế
Q4/25
4.69
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.60| -35.7%
YoY: ▼5.17| -52.5%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
7.5%
YoY: +/-▲ 3.5%

ROE
2025
4.1%
YoY: +/-▲ 2.1%

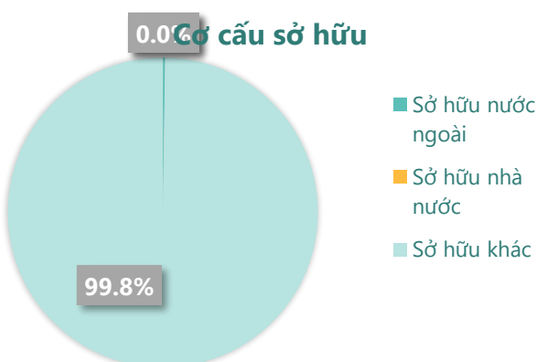
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	5,500 - 14,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	779
Số lượng CPLH (CP)	61,799,972
KLGD BQ 20 phiên (CP)	350,075
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	1.01
EPS	573
P/E	22.0

DT thuần
2025
910
tỷ VNĐ
YoY: ▼240| -20.9%

LN thuần
2025
60.0
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 30.7| 105%

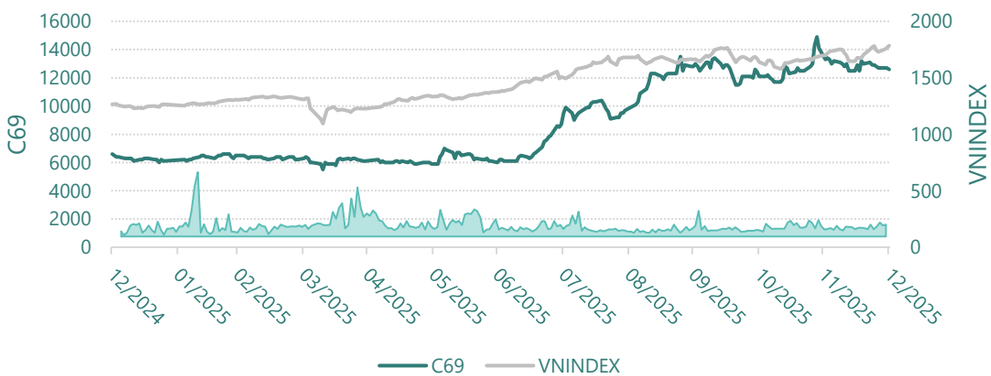
LN sau thuế
2025
43.9
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 22.0| 101%

Cơ cấu sở hữu

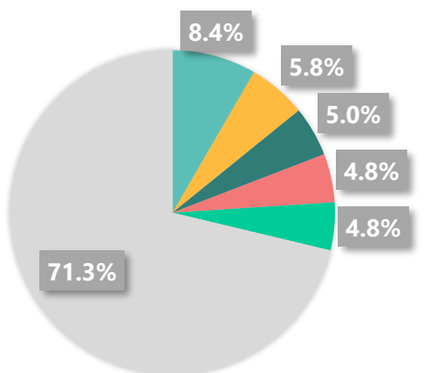


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

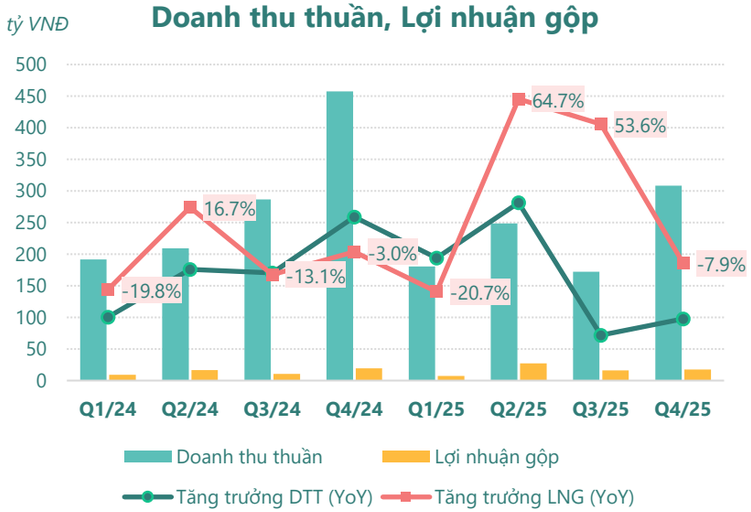


- Lê Tuấn Nghĩa (Tổng giám đốc)
- Lê Thị Thùy Linh
- Lưu Bảo Trung
- Vũ Hồng Quân
- Vũ Thị Thu Chung
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

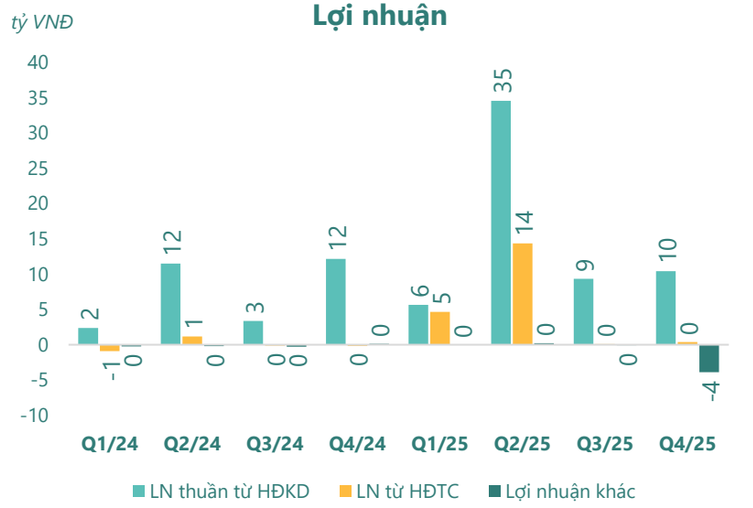
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



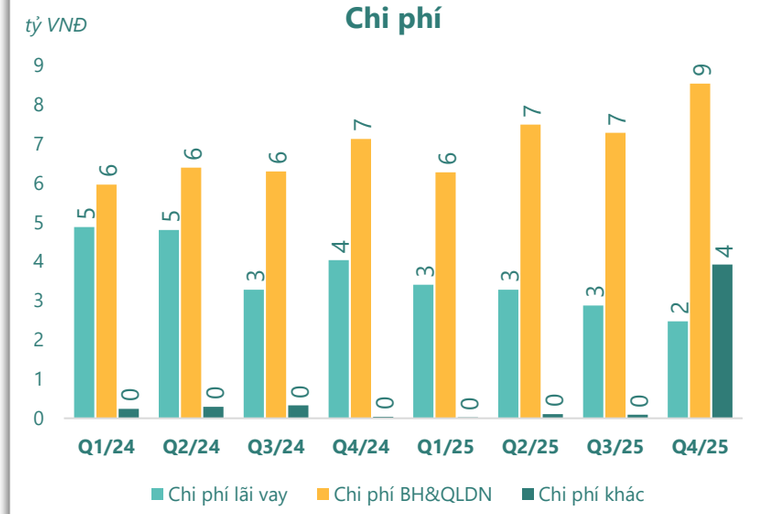
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



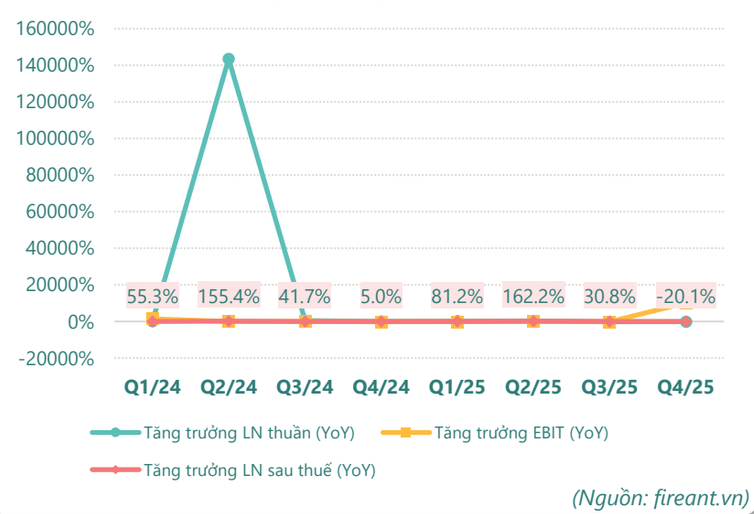
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



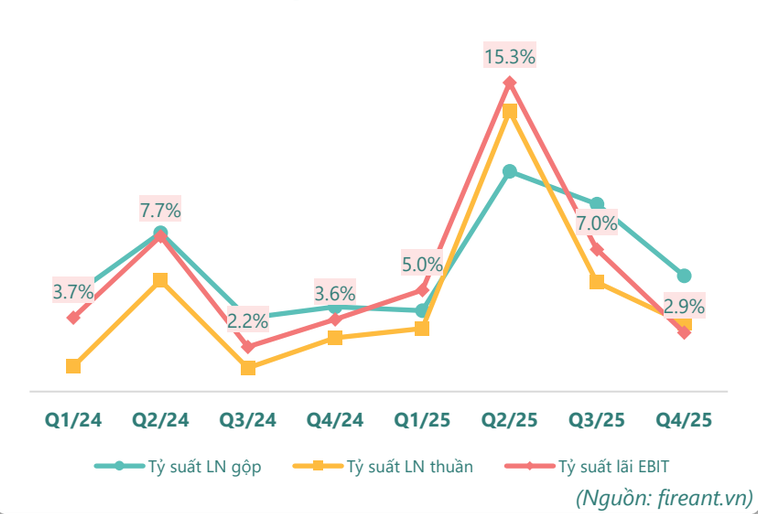
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



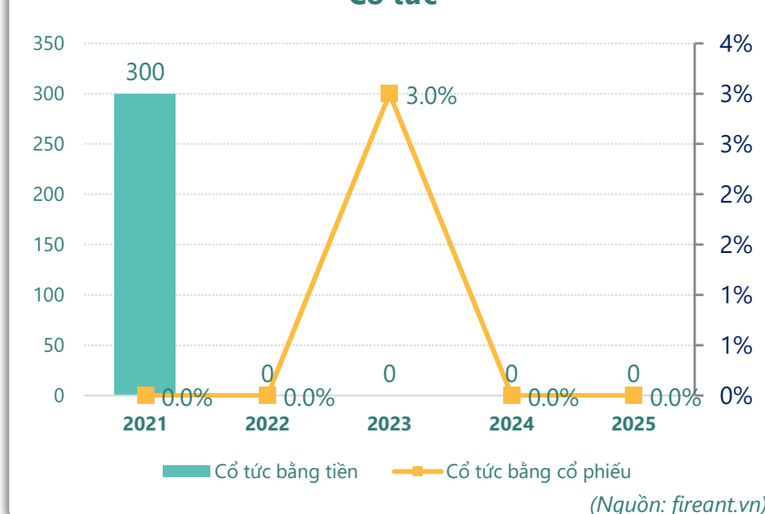
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

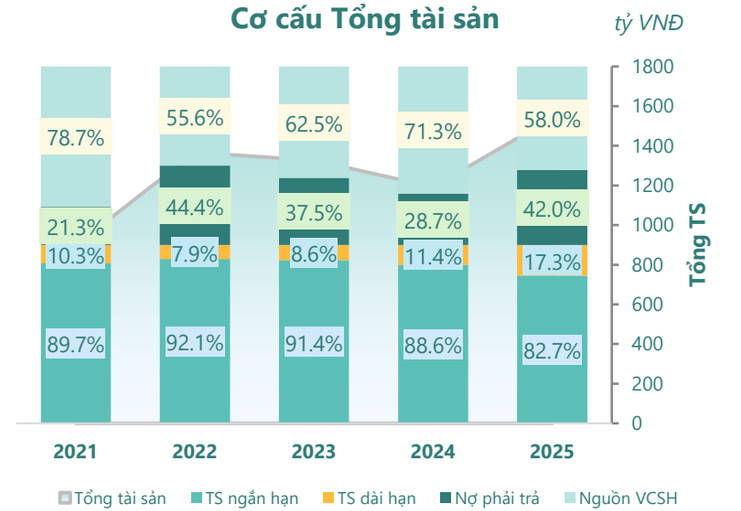
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

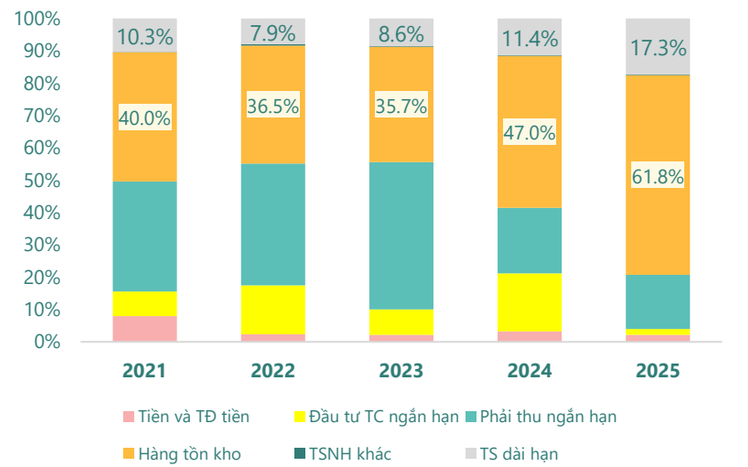
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



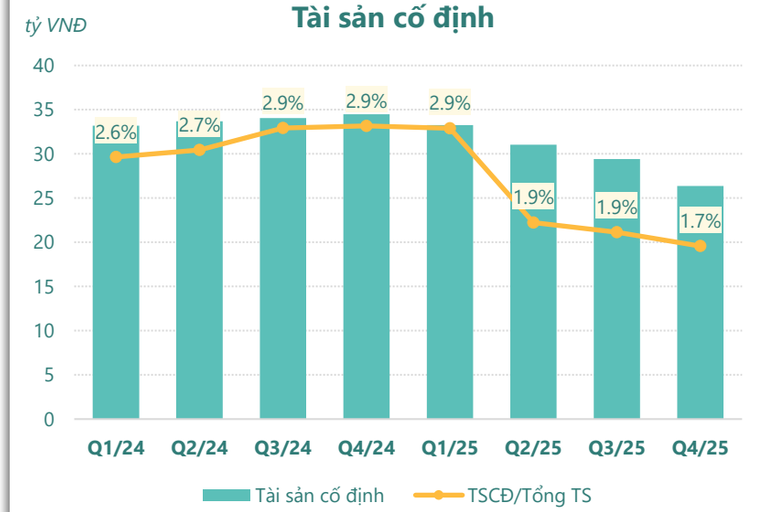
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



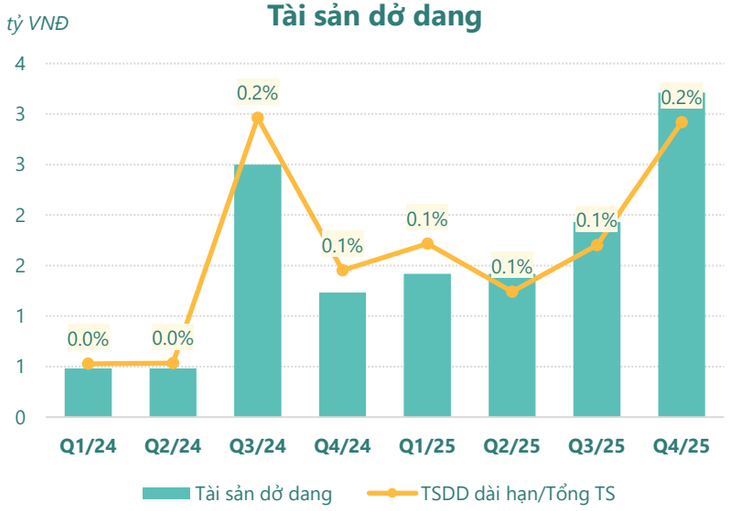
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



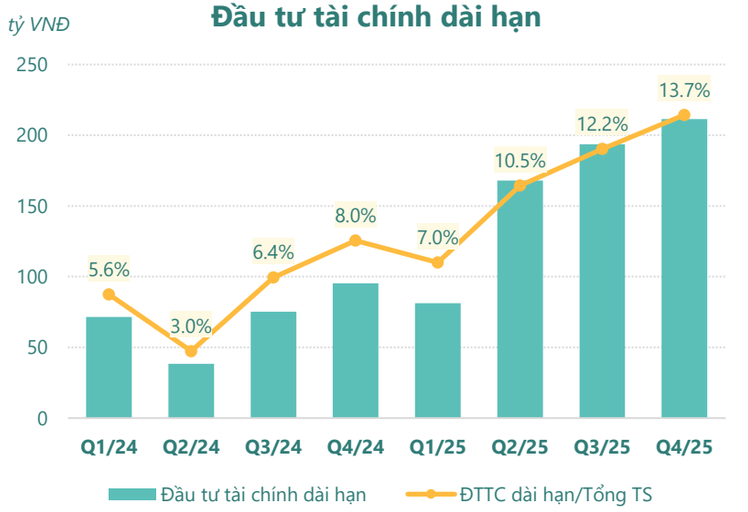
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



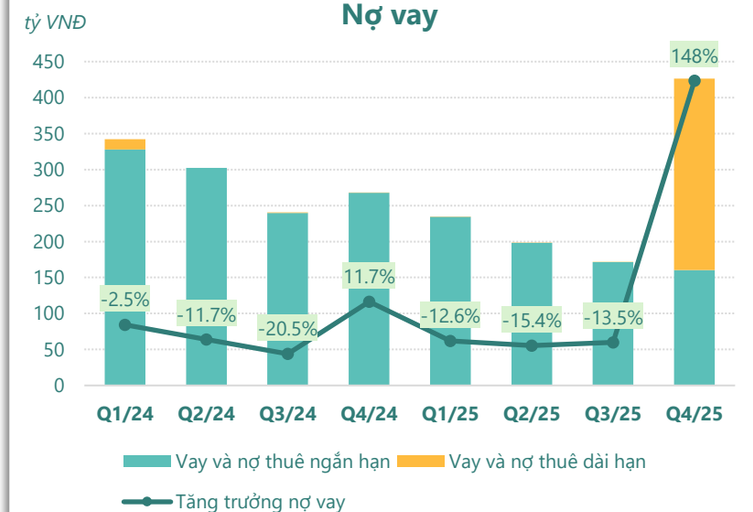
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

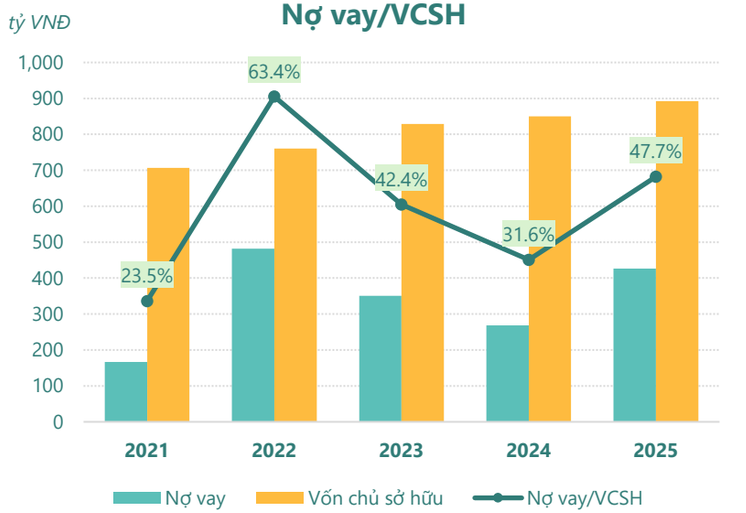
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

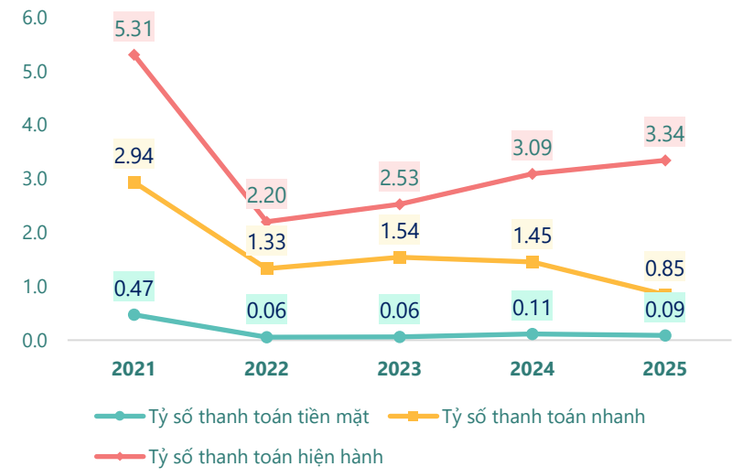
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



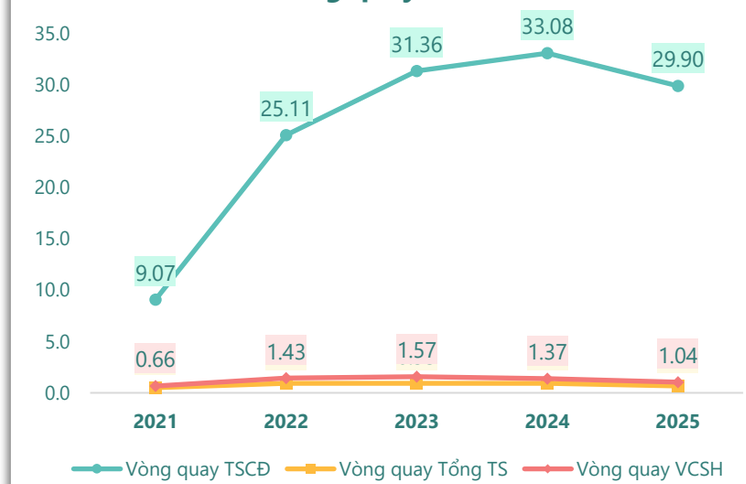
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



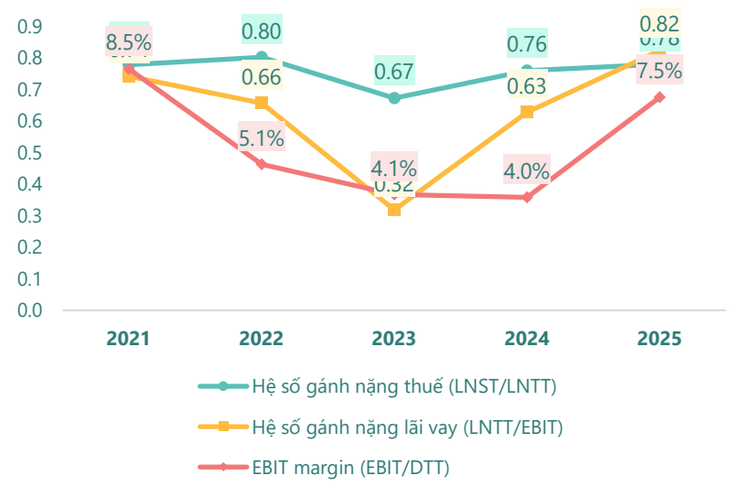
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



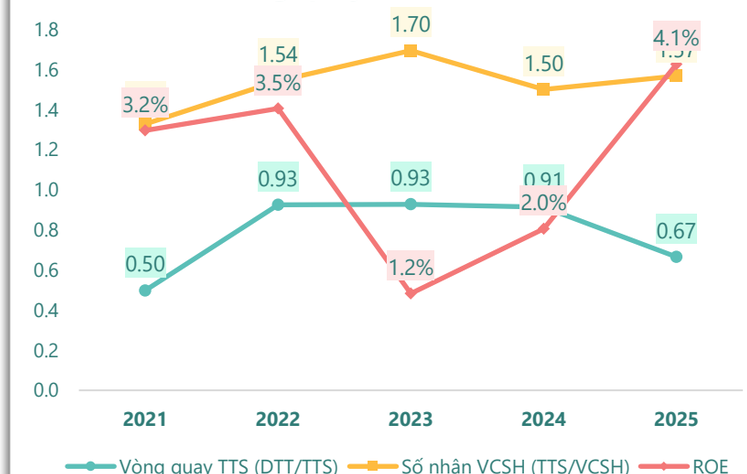
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



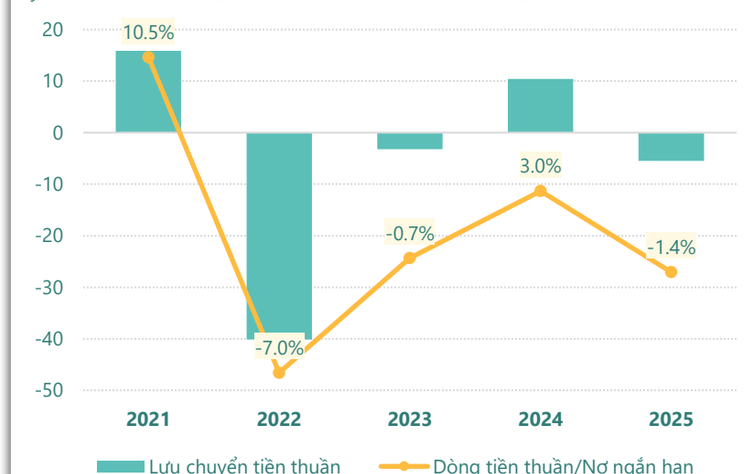
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**308**	**458**	**-32.7%**	**910**	**1,150**	**-20.9%**
Giá vốn hàng bán	291	438	-33.7%	842	1,094	-23.1%
Lợi nhuận gộp	17.7	19.2	-7.7%	68.1	55.7	22.3%
Doanh thu HĐTC	3.10	4.18	-25.8%	32.3	18.0	79.9%
Chi phí TC	2.71	4.34	-37.6%	12.9	18.0	-28.4%
Chi phí lãi vay	2.47	4.04	-38.9%	12.0	17.0	-29.2%
LN trong công ty LKLD	**0.87**	**0.22**	**296%**	**1.98**	**-0.16**	**1337%**
Chi phí bán hàng	2.86	1.87	52.9%	8.33	6.78	22.8%
Chi phí QLDN	**5.68**	**5.26**	**8.0%**	**21.3**	**19.4**	**9.3%**
LN thuần từ HĐKD	10.4	12.2	-14.4%	60.0	29.3	105%
Lợi nhuận khác	**-3.91**	**0.14**	**-2894%**	**-3.74**	**-0.56**	**-565%**
LN trước thuế	6.53	12.3	-46.9%	56.3	28.8	95.6%
Lợi nhuận sau thuế	**4.69**	**9.86**	**-52.5%**	**43.9**	**21.9**	**101%**
LNST của CĐ cty mẹ	**3.44**	**6.95**	**-50.5%**	**35.4**	**16.9**	**110%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	156	32.8	-27.3	110	25.3	-261
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-77.5	-73.4	54.1	-32.5	-29.5	-2.14
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-62.0	28.0	-33.8	-36.0	-26.8	254
Tiền đầu kỳ	35.2	51.4	38.9	31.9	73.2	42.3
Lưu chuyển tiền thuần	**16.2**	**-12.6**	**-6.99**	**41.3**	**-31.0**	**-8.91**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	51.4	38.9	31.9	73.2	42.3	33.4

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,540**	**1,192**	**29.2%**
Tài sản ngắn hạn	1,273	1,056	20.5%
Tiền và tương đương tiền	33.4	38.9	-14.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	28.2	213	-86.8%
Phải thu ngắn hạn	257	242	6.4%
Hàng tồn kho	951	561	69.7%
Tài sản ngắn hạn khác	3.16	1.78	77.9%
Tài sản dài hạn	**267**	**135**	**97.1%**
Phải thu dài hạn	19.5	18.9	3.0%
Tài sản cố định	26.4	34.5	-23.5%
Bất động sản đầu tư	0.77	1.20	-36.4%
Tài sản dở dang	3.21	1.23	161%
Đầu tư tài chính dài hạn	211	75.3	180%
Tài sản dài hạn khác	**3.19**	**1.25**	**156%**
Lợi thế thương mại	2.65	3.07	-13.5%
Nợ phải trả	647	342	89.3%
Nợ ngắn hạn	**381**	**341**	**11.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	160	268	-40.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	65.6	45.3	45.0%
Nợ dài hạn	267	0.47	56627%
Vay và nợ thuê dài hạn	266	0.47	56518%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**893**	**850**	**5.1%**
Vốn chủ sở hữu	**893**	**850**	**5.1%**
Vốn điều lệ	618	618	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)